

Số: ~~1037~~ CV – ĐHVN
V.v. Báo cáo ba công khai
năm học 2019 - 2020

Hà Nội, ngày 25 tháng 12 năm 2020

Kính gửi:

- Bộ Giáo dục và Đào tạo

- Đại học Quốc gia Hà Nội

Thực hiện quy chế ba công khai của Bộ Giáo dục và Đào tạo theo Thông tư số 36/2017/TT - BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 (có hiệu lực thi hành kể từ ngày 13 tháng 02 năm 2018 thay thế Thông tư số 09/2009/TT-BGDĐT ngày 07 tháng 5 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân), Trường Đại học Việt Nhật – ĐII Quốc gia Hà Nội kính trình Bộ Giáo dục và Đào tạo, Đại học Quốc gia Hà Nội báo cáo ba công khai năm học 2019 - 2020 như sau:

1. Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế

- Cam kết chất lượng đào tạo (biểu mẫu 17)
- Cam kết chất lượng đào tạo thực tế (biểu mẫu 18)

2. Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục

- a. Cơ sở vật chất (biểu mẫu 19)
- b. Đội ngũ giảng viên cơ hữu (biểu mẫu 20)

3. Công khai tài chính

Theo phụ lục (biểu mẫu 21)

Các biểu mẫu xem tại biểu mẫu và phụ lục đính kèm.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: VT, KHTC, ĐBCL

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
VIỆT NHẤT
Furuta Motoo

THÔNG BÁO

Công khai cam kết chất lượng đào tạo của Nhà trường năm học 2019-2020

1. Chuyên ngành đào tạo: 08 chuyên ngành, bao gồm:

Thạc sĩ Chính sách công	8340402.01
Thạc sĩ Công nghệ Nano	8440140.11QTD
Thạc sĩ Khu vực học	8310604.01QTD
Thạc sĩ Kỹ thuật hạ tầng	8900201.04QTD
Thạc sĩ Kỹ thuật môi trường	8520320.01
Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	8340101.01
Thạc sĩ Biến đổi khí hậu và Phát triển	8900201.02QTD
Thạc sĩ Lãnh đạo toàn cầu	Thí điểm

STT	Nội dung	Thạc sĩ
I	Điều kiện đăng ký tuyển sinh	1. Điều kiện về văn bằng, kinh nghiệm chuyên môn - Thí sinh dự tuyển xem yêu cầu về điều kiện văn bằng và kinh nghiệm công tác của từng chương trình tại website: http://vju.ac.vn/graduate-program-gp0.html. - Thí sinh dự kiến nhận bằng tốt nghiệp đại học trước ngày khai giảng đáp ứng được các yêu cầu trong thông báo này có thể dự tuyển với điều kiện sẽ nộp bổ sung đầy đủ hồ sơ trước thời điểm nhập học chính thức. 2. Điều kiện về ngôn ngữ - Thí sinh dự tuyển xem yêu cầu về điều kiện ngoại ngữ của từng chương trình tại website: http://vju.ac.vn/graduate-program-gp0.html. 3. Các yêu cầu khác - Lí lịch bản thân rõ ràng (<i>không trong thời gian thi hành kỷ luật từ cảnh cáo trở lên</i>); - Đảm bảo điều kiện sức khỏe cho quá trình học tập; - Đối với các ứng viên là người nước ngoài phải có đầy đủ minh chứng về tài chính cần thiết cho quá trình học tập và sinh hoạt tại Việt Nam.
II	Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình	1) Về kiến thức: Cung cấp các kiến thức nâng cao và cập nhật nhất về chuyên môn cho học viên dựa trên nền tảng hệ thống lý thuyết hiện đại, hệ thống phương pháp nghiên cứu và cách tiếp cận liên ngành đang được vận dụng trong giới khoa học

STT	Nội dung	Thạc sĩ
	độ ngoại ngữ đạt được	quốc tế, đặc biệt là tại các trường đại học, Viện nghiên cứu hàng đầu ở Nhật Bản và Việt Nam; 2) Về kỹ năng: Trang bị các phương pháp nghiên cứu, các kỹ năng phát hiện và phân tích vấn đề, đưa ra giải pháp, có khả năng áp dụng kiến thức vào thực tế; 3) Về thái độ: Học viên phải có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, sẵn sàng đóng góp cho sự nghiệp giáo dục, nền khoa học và sự phát triển của đất nước và nhân loại 4) Về ngoại ngữ: Học viên tốt nghiệp đạt trình độ ngoại ngữ bậc 4/6 theo khung năng lực ngoại ngữ dành cho người Việt Nam
III	Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học	Các chương trình đào tạo của Trường được thực hiện với ít nhất 50% giờ giảng dạy bởi các chuyên gia, giáo sư quốc tế, tạo điều kiện cho người học trải nghiệm môi trường quốc tế. Dựa trên kinh nghiệm của các trường đại học Nhật Bản, các chương trình đã đưa hình thức seminar vào một số học phần để phát triển kỹ năng giao tiếp, thảo luận, làm việc nhóm và tăng cường sự tương tác giữa giảng viên với học viên và giữa học viên với học viên. Nội dung của các học phần có tính thực tiễn cao, có sự tham gia giảng dạy của nhiều chuyên gia giàu kinh nghiệm đến từ các tổ chức, doanh nghiệp Nhật Bản và Việt Nam. Học viên sẽ có cơ hội tiếp xúc với các tổ chức, doanh nghiệp thông qua các chương trình Internship. Học viên có cơ hội được học tập tại các trường đại học hàng đầu Nhật Bản thông qua chương trình Internship tại các trường đại học đối tác ở Nhật Bản Học viên theo học tại Trường được hỗ trợ các suất học bổng toàn phần và bán phần theo từng học kỳ dựa trên kết quả học tập của kỳ trước đó, tạo động lực học tập cho học viên. Ngoài ra, Trường còn cấp các suất học bổng cho học viên có hoàn cảnh khó khăn, hỗ trợ người học trang trải một phần trong quá trình theo học tại trường Ngoài các hỗ trợ về học bổng, Trường có ngân sách cho học viên, giảng viên thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học. Các đề tài được nghiệm thu những năm vừa qua đều được đánh giá cao từ hội đồng chuyên môn.
IV	Chương trình đào tạo thạc sĩ	08 chuyên ngành đào tạo: Thạc sĩ Chính sách công Thạc sĩ Công nghệ Nano Thạc sĩ Khu vực học

STT	Nội dung	Thạc sĩ
		Thạc sĩ Kỹ thuật hạ tầng Thạc sĩ Kỹ thuật môi trường Thạc sĩ Quản trị kinh doanh Thạc sĩ Biến đổi khí hậu và Phát triển Thạc sĩ Lãnh đạo toàn cầu
V	Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường	Tham gia các khóa đào tạo tiến sĩ cả trong nước cũng như nước ngoài, đặc biệt là Nhật Bản Tham gia vào các nhóm nghiên cứu, viện nghiên cứu nhằm nâng cao trình độ chuyên môn
VI	Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp	Học viên có khả năng đảm nhiệm các công việc đòi hỏi khả năng nghiên cứu tổng hợp, liên ngành tại các tổ chức quốc tế, cơ quan ngoại giao, tổ chức chính phủ và các tổ chức phi chính phủ, các trường đại học và các viện nghiên cứu, công ty thương mại dịch vụ, trong đó có các công ty của Nhật Bản. Học viên có khả năng tự khởi nghiệp và trở thành chủ doanh nghiệp hoặc đảm nhiệm các vị trí công tác quản lý tại các doanh nghiệp, tập đoàn đa quốc gia, các doanh nghiệp trong nước và nước ngoài, trong đó có các doanh nghiệp Nhật Bản. Tham gia hoạch định chính sách trong các cơ quan, tổ chức của chính phủ, Bộ, Ban, Ngành. Học viên tốt nghiệp có thể tiếp tục theo học bậc tiến sĩ tại các trường đại học hàng đầu của Nhật Bản và thế giới.

Hà Nội, ngày 23 tháng 12 năm 2020

HIỆU TRƯỞNG 

Furuta Motoo

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng đào tạo thạc sĩ thực tế của Nhà trường năm học 2019-2020

A. Công khai thông tin về quy mô đào tạo thạc sĩ hiện tại

STT	Khối ngành	Quy mô sinh viên hiện tại						Trung cấp sư phạm	
		Tiền sĩ	Thạc sĩ	Đại học		Cao đẳng sư phạm		Chính quy	Vừa làm vừa học
				Chính quy	Vừa làm vừa học	Chính quy	Vừa làm vừa học		
	Tổng số								
1	Khối ngành I	-	-	-	-	-	-	-	-
2	Khối ngành II	-	-	-	-	-	-	-	-
3	Khối ngành III - Quản trị kinh doanh		37						
4	Khối ngành IV	-	-	-	-	-	-	-	-
5	Khối ngành V	-	-	-	-	-	-	-	-
6	Khối ngành VI	-	-	-	-	-	-	-	-

STT	Khối ngành	Quy mô sinh viên hiện tại							
		Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học		Cao đẳng sư phạm		Trung cấp sư phạm	
				Chính quy	Vừa làm vừa học	Chính quy	Vừa làm vừa học	Chính quy	Vừa làm vừa học
7	Khối ngành VII	-	-	-	-	-	-	-	-
8	Liên ngành								
	- Kỹ thuật hạ tầng		18						
	- Kỹ thuật môi trường		17						
	- Khu vực học		20						
	- Chính sách công		18						
	- Công nghệ Nano		12						
	- Biến đổi khí hậu và phát triển		39						
	- Lãnh đạo toàn cầu		10						

B. Công khai thông tin về sinh viên tốt nghiệp và tỷ lệ sinh viên có việc làm sau 01 năm ra trường

STT	Khối ngành	Số sinh viên tốt nghiệp	Phân loại tốt nghiệp (%)			Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm sau 1 năm ra trường (%)*
			Loại xuất sắc	Loại giỏi	Loại khá	
	Tổng số	66				100%
1	Khối ngành I	-	-	-	-	-
2	Khối ngành II	-	-	-	-	-
3	Khối ngành III	15				100%
	- Quản trị kinh doanh					
4	Khối ngành IV	-	-	-	-	-
5	Khối ngành V	-	-	-	-	-
6	Khối ngành VI	-	-	-	-	-
7	Khối ngành VII	-	-	-	-	-
8	Liên ngành					
	- Kỹ thuật hạ tầng	5				100%
	- Kỹ thuật môi trường	9				100%
	- Khu vực học;	11				100%
	- Chính sách công;	5				100%
	- Công nghệ Nano;	6				100%
	- Biến đổi khí hậu và phát triển;	15				100%

STT	Khối ngành	Số sinh viên tốt nghiệp	Phân loại tốt nghiệp (%)			Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm sau 1 năm ra trường (%)*
			Loại xuất sắc	Loại giỏi	Loại khá	
	- Lãnh đạo toàn cầu	0				

(*) Tỷ lệ SVTN có việc làm tính theo công thức: $((SL \text{ SVTN có việc làm} + SL \text{ SVTN đang học nâng cao}) / \text{tổng số SVTN được khảo sát}) * 100$

C. Công khai các môn học của từng khóa học, chuyên ngành

- Chương trình đào tạo thạc sĩ Khu vực học: <http://vju.vnu.edu.vn/chuong-trinh-thac-sy-khu-vuc-hoc-pdd1.html>
- Chương trình đào tạo thạc sĩ Chính sách công: <http://vju.vnu.edu.vn/chuong-trinh-thac-sy-chinh-sach-cong-pdd7.html>
- Chương trình đào tạo thạc sĩ Quản trị kinh doanh: <http://vju.vnu.edu.vn/chuong-trinh-thac-sy-quan-tri-kinh-doanh-pdd2.html>
- Chương trình đào tạo thạc sĩ Lãnh đạo toàn cầu: <http://vju.vnu.edu.vn/thac-sy-lanh-dao-toan-cau-pdd12.html>
- Chương trình đào tạo thạc sĩ Kỹ thuật môi trường: <http://vju.vnu.edu.vn/chuong-trinh-thac-sy-ky-thuat-moi-truong-pdd5.html>
- Chương trình đào tạo thạc sĩ Kỹ thuật hạ tầng: <http://vju.vnu.edu.vn/chuong-trinh-thac-sy-ky-thuat-ha-tang-pdd3.html>
- Chương trình đào tạo thạc sĩ Công nghệ Nano: <http://vju.vnu.edu.vn/chuong-trinh-thac-sy-cong-nghe-nano-pdd6.html>
- Chương trình đào tạo thạc sĩ Biến đổi khí hậu và Phát triển: <http://vju.vnu.edu.vn/chuong-trinh-thac-sy-bien-doi-khi-hau-va-phat-trien-pdd4.html>
- Chương trình đào tạo đại học theo đặc thù đơn vị ngành Nhật Bản học: <http://vju.vnu.edu.vn/dao-tao/chuong-trinh-cu-nhan-nhat-ban-hoc-st117.html>

D. Công khai thông tin về giáo trình, tài liệu tham khảo do cơ sở giáo dục tổ chức biên soạn

STT	Tên giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)	Năm xuất bản	Kế hoạch soạn thảo giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)
1	Giáo trình thực tập kỹ thuật môi trường (Tác giả: TS. Nguyễn Thị An Hằng)	2019	

E. Công khai thông tin về đồ án, khóa luận, luận văn, luận án tốt nghiệp

- Thông tin chi tiết về luận văn thạc sĩ của Trường Đại học Việt Nhật được upload website của Trung tâm Thông tin thư viện, ĐHQGHN:
https://repository.vnu.edu.vn/handle/VNU_123/64210

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
	Thạc sĩ	Cải thiện hoạt động đào tạo thạc sĩ tiếng Nhật cho người lao động nước ngoài tại Nhật Bản - Nghiên cứu trường hợp về hiện trạng học tập tiếng Nhật của các thực tập sinh kỹ năng Việt Nam	Phan Xuân Dương	GS.TS.Miyazaki Satoshi	
		So sánh cách triển khai giờ học môn Đời sống của Nhật với môn Tự nhiên và Xã hội của Việt Nam nhìn từ góc độ "Lấy trẻ làm trung tâm"	Lê Thị Thùy Trinh	PGS.TS.Phạm Thị Thu Giang GS.TS.Saito Mareshi	

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
		Giao dục tiếng Nhật như một ngôn ngữ kế thừa của trẻ em trong gia đình kết hôn quốc tế Nhật - Việt ~ Tập trung vào các yếu tố ảnh hưởng đến nhận thức của cha mẹ ~	Lê Thị Thanh Tân	GS.TS.Miyazaki Satoshi	
		Quan niệm về sắc dục và tiền tài trong "Truyện Kiều" của Nguyễn Du và "Đời du nữ", "Năm người đàn bà si tình" của Ihara Saikaku dưới góc nhìn văn hóa	Đỗ Lê Thanh Thủy	TS.Đào Thị Thu Hằng	
		Nhận thức về Đạo Mẫu của giới trẻ Hà Nội hiện nay	Nguyễn Hoàng Phương	TS.Chu Xuân TS.Ito Mariko	Giao
		Hợp tác An Ninh Việt Nhật kể từ năm 2014 đối diện với nhân tố Trung Quốc	Lâm Thị Giang	GS.TS.Nguyễn Thái Yên Hương	
		Mối quan hệ giữa tính doanh lợi và tính xã hội trong kinh doanh của cửa hàng tiện lợi - Tập trung vào dịch vụ dành cho người cao tuổi	Bùi Thị Huyền Diệu	TS.Võ Minh Vũ	
		Vấn đề 8050 trong xã hội Nhật Bản-Nghiên cứu về hoạt động hỗ trợ cho các Hikikomori trung và cao niên	Đinh Quỳnh Trang	TS.Nguyễn Phương Thủy	
		Làng cổ Đường Lâm - thực trạng hoạt động du lịch và giải pháp cung ứng dịch vụ du lịch bền vững	Nguyễn Hồng Nhung	TS.Đặng Thị Việt Phương TS.Ando Katsuhiko	
		Nghệ thuật Kịch giấy ở Việt Nam những năm 1990 với tư cách là một cầu nối giao lưu văn hoá Việt Nhật	Nguyễn Thị Quê Hương	PGS.TS.Phan Hải GS.TS.Saito Mareshi	Linh

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
		Ảnh hưởng của trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp đến hành vi trung thành của khách hàng: Minh chứng từ Việt Nam	Ngô Thanh Huyền	GS.TS.Tohru TS.Trần Thị Bích Hạnh	Inoue
		Các nhân tố ảnh hưởng đến khả năng trả nợ của hộ kinh doanh và doanh nghiệp siêu nhỏ ở Việt Nam	Phạm Thanh Dung	GS.TS.Hiroshi PGS.TS.Vũ Anh Dũng	Morita
		Các yếu tố quyết định cấu trúc vốn của các doanh nghiệp niêm yết trong ngành được phẩm tại Việt Nam	Bùi Thị Minh Huyền	GS.TS.Hiroshi PGS.TS.Nguyễn Văn Định	Morita
		Hướng tới nâng cao hành vi công dân của khách hàng trong lĩnh vực dịch vụ	Phan Bích Phương	GS.TS.Tohru TS.Trần Thị Bích Hạnh	Inoue
		Đánh giá một số yếu tố ảnh hưởng tới tỷ lệ đô la hóa ở Việt Nam trong giai đoạn 1997-2019	Đào Duy Tùng	GS.TS.Tohru TS.Nguyễn Thị Kim Oanh	Inoue
		Nghiên cứu về hành vi người tiêu dùng tại các chuỗi cửa hàng cà phê tại Việt Nam	Nguyễn Hữu Cường	GS.TS.Peijun PGS.TS.Nguyễn Việt Khôi	Guo
		Ảnh hưởng của giờ làm việc tăng ca lên sự kiệt sức, sự gắn kết công việc và ý định nghỉ việc của công nhân nhà máy sản xuất ở Việt Nam	Nguyễn Thị Hải Yến	PGS.TS.Kodo TS.Đỗ Xuân Trường	Yokozawa
		Những yếu tố ảnh hưởng quyết định tiêu dùng xanh của người tiêu dùng tại Việt Nam	Đỗ Minh Hạnh	GS.TS.Motonari PGS.TS.Phạm Thị Liên	Tanabu
		Những yếu tố ảnh hưởng tới ý định truyền miệng trực tuyến: nghiên cứu thực nghiệm với các khách hàng homestay tại Việt Nam	Nguyễn Thùy Trang	PGS.TS.Kodo TS.Đỗ Xuân Trường	Yokozawa

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
		Ảnh hưởng của Giáo dục khởi nghiệp tới Tư duy khởi nghiệp của sinh viên: Minh chứng nhóm ngành Kinh tế tại Đại học Quốc gia Hà Nội	Đỗ Thị Huyền Trang	GS.TS.Hiroshi PGS.TS.Vũ Anh Dũng	Morita
		Tác động của xung đột cá nhân và căng thẳng nghề nghiệp lên sự cam kết tổ chức của nhân viên Việt Nam, và vai trò của hỗ trợ xã hội	Nguyễn Quang Minh	GS.TS.Motonari PGS.TS.Nhâm Phong Tuấn	Tanabu
		Yếu tố ảnh hưởng đến ý định kiên trì của người học các khóa học online ở Việt Nam	Phạm Hương Trà	GS.TS.Hiroshi PGS.TS.Phạm Thị Liên	Morita
		Tác động của phong cách lãnh đạo lên động lực của nhân viên ở Myanmar	Nan Kay Zar Phone Myint	GS.TS.Yoshiki TS.Trần Huy Phương	Matsui
		Ảnh hưởng của chất lượng dịch vụ và chi phí đến thuê ngoài dịch vụ logistics tại các doanh nghiệp sản xuất ở Việt Nam	Nguyễn Thị Hương Giang	GS.TS.Yoshiki PGS.TS.Vũ Anh Dũng	Matsui
		Mối quan hệ giữa Hình Mẫu và Ý Định Khởi Nghiệp	Hoàng Đức Trung	PGS.TS.Kodo PGS.TS.Vũ Anh Dũng	Yokozawa
		Các yếu tố ảnh hưởng đến ý định sử dụng dịch vụ truyền hình trực tuyến có trả phí tại Việt Nam	Lê Phú Khánh	GS.TS.Motonari TS.Trần Huy Phương	Tanabu
		Khía cạnh đạo đức trong việc ứng phó với biến đổi khí hậu: Nghiên cứu so sánh giữa thành phố Lagos, Nigeria và thành phố Hà Nội, Việt Nam	Azu Anthony Anwani	TS.Nguyễn Ngọc GS.TS.Ito Tetsuji	Huy

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
		Các nhân tố tác động đến hành vi của sinh viên trong giảm thiểu phát thải khí nhà kính: Nghiên cứu trường hợp tại Hà Nội và Ibaraki	Vũ Kim Duyên	GS.TS. Ito TS.Takeuchi Ryo	Tetsuji
		Ảnh hưởng của Biến đổi khí hậu lên mùa hoa đào ở Việt Nam	Tiêu Thị Diệu	TS. Kotera Akihiko	
		Đánh giá giá trị xã hội của không gian xanh trong bối cảnh xây dựng khả năng phục hồi đô thị và thích ứng với biến đổi khí hậu: Một nghiên cứu tại thành phố Hà Nội	Tăng Anh Khoa	TS.Nguyễn Ngọc Huy	
		Ô nhiễm không khí tại thành phố Hà Nội – Thực trạng và giải pháp quản lý ô nhiễm không khí trong bối cảnh biến đổi khí hậu	Nguyễn Anh Tuấn	TS.Nguyễn Sỹ TS.Nguyễn Văn Quang	Linh
		Đồng hành động nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu: Nghiên cứu quá trình thực hiện chính sách phân loại rác thải sinh hoạt của chính quyền cấp phường tại Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Hoàng Trung	TS.Nguyễn Ngọc Huy	
		Tác dụng của cây xanh với môi trường nhiệt đô thị và thích ứng khí hậu	Trần Huyền Chi	GS.TS.Kusaka GS.TS.Phan Văn Tân	Hiroyuki
		Nhận thức và mức độ sẵn sàng giảm nhựa dùng một lần tại Hà Nội trong mối liên quan đến giảm thiểu biến đổi khí hậu	Nguyễn Thị Đăng Huệ	TS.Takeuchi PGS.TS.Tamura Makoto	Ryo
		Tác động của khô hạn lên một số tính chất sinh hóa đất trong bối cảnh chuyển đổi sử dụng đất và biến đổi khí hậu	Bùi Hạnh Mai	TS.Hoàng Thị Thu Duyên	

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
		Nghiên cứu về các chất gây ô nhiễm khí hậu ngắn hạn ở Hà Nội trong bối cảnh biến đổi khí hậu và phát triển bền vững	Đỗ Duy Tùng	GS.TS.Kita Kazuyuki	
		Đánh giá khả năng thích ứng của hộ gia đình nuôi trồng thủy sản với biến đổi khí hậu tại huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang, Việt Nam	Thái Trọng Nghĩa	PGS.TS.Yoshida TS.Nguyễn Tài Tuệ	Koshi
		Nghiên cứu các dự tính biến đổi khí hậu về lượng mưa và nhiệt độ ở các tiểu vùng của Việt Nam	Bé Ngọc Diệp	PGS.TS.Wakazuki TS.Nguyễn Văn Quang	Yasutaka
		Tác động của biến đổi khí hậu lên sự cộng sinh giữa nấm nội cộng sinh dark septate và cây lúa	Mai Ei Ngwe Zin	GS.TS.Narisawa TS.Hoàng Thị Thu Duyên	Kazuhiko
		Đánh giá tác động của sự nóng lên toàn cầu đối với tăng trưởng và năng suất lúa bằng cách sử dụng mô hình tính toán sinh trưởng cây trồng (Mô hình Matcro-Rice) tại tỉnh Thái Bình, Việt Nam	Đào Thị Thu Hằng	PGS.TS.Masutomi PGS.TS.Mai Văn Trinh	Yuji
		Biến đổi khí hậu và xung đột bạo lực tại khu vực nước xuyên biên giới - Nghiên cứu trường hợp tại hồ Tchad	Nkom Nton Bola	GS.Hasui Seiichiro	
		Các nguyên nhân mất rừng và suy thoái rừng tại tỉnh Nghệ An trong bối cảnh hành động vì khí hậu: Lấy ví dụ tại hai xã thuộc huyện Thanh Chương và huyện Con Cuông	Đỗ Thị Ninh	PGS.TS.Hà Quý PGS.TS.Thorkil Casse	Quỳnh
		Đánh giá nhận thức và sự lo lắng của người dân đô thị về biến đổi khí hậu: Nghiên cứu trường hợp tại cộng đồng phường Giảng Võ, thành phố Hà Nội	Phạm Thị Minh Châu	GS.TS.Ito Tetsuji	

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
		Phân tích chi phí lợi ích giải pháp nâng cấp hạ tầng đê biển và rừng ngập mặn nhằm thích ứng với nước biển dâng tại khu vực Đồng bằng sông Cửu Long	Phạm Thị Oanh	PGS.TS.Tamura TS.Nguyễn Văn Quang	Makoto
		Dao động và biến đổi quan trắc được của sóng nhiệt trên lãnh thổ Việt Nam	Vũ Thuận Yến	GS.TS.Phạm Văn Tân GS.TS.Kusaka Hiroyuki	
		Nghiên cứu phát triển sinh kế bền vững và chống chịu với khí hậu tại xã Giao An, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định	Nguyễn Hoài Thu	GS.TSKH.Trương Quang Học TS.Kotera Akihiko	
		Cách tiếp cận sáng tạo trong việc xây dựng kế hoạch phòng chống thiên tai cho các trường tiểu học ở thành phố Đà Nẵng trong bối cảnh biến đổi khí hậu	Nguyễn Thị Hồng Dương	TS.Tổng Thị Mỹ Thi	
		Giáo dục năng lượng tái tạo cho học sinh cấp 1 và cấp 2 hướng tới giảm nhẹ biến đổi khí hậu và phát triển bền vững - Nghiên cứu trường hợp tại Việt Nam và Nhật Bản	Trần Việt Hương	GS.TS.Sakamoto Megumi	
		Nghiên cứu ảnh hưởng của hợp chất Humic trong quá trình điện phân sắt đến khả năng loại bỏ photpho	Hà Thị Diệp Anh	GS.TS.Jun Nakajima PGS.TS.Lê Văn Chiêu	
		Nghiên cứu tổng hợp graphene oxit dạng khử (rGO) và ứng dụng để xử lý tetracyclin trong môi trường nước	Hà Thị Mỹ Trinh	TS. Trần Đình TS.Nguyễn Thị An Hằng	Trinh
		Ứng dụng công nghệ PVA Gel với bề phản ứng sinh học kiểu air-lift trong xử lý nước thải	Trần Quang Dũng	PGS.TS.Cao Thế Hà PGS.TS.Lê Văn Chiêu	Hà

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
		Năng cao hiệu quả xử lý chất dinh dưỡng trong nước thải chăn nuôi lợn đã phân hủy yếm khí bằng tích hợp hệ đất ngập nước nhân tạo với thủy tinh tái chế (đá bọt) và nguồn các bon từ bên ngoài	Phạm Thị Kiều Chinh	PGS.TS.Sato Keisuke TS.Nguyễn Thị An Hằng	
		Tổng hợp, đặc trưng hóa và đánh giá khả năng quang xúc tác của vật liệu composit g-C ₃ N ₄ /GaN-ZnO	Nguyễn Hà Trang	TS.Trần Thị Việt Hà TS.Nguyễn Minh Việt	
		Hoạt động của gen kháng colistin nằm trên plasmid trong môi trường nước và chuỗi thức ăn đô thị	Vũ Thị Mỹ Hạnh	PGS.TS.Ikuro Kasuga GS.TS.Hiroyuki Katayama	
		Nghiên cứu xử lý nước thải nhiễm kháng sinh bằng quy trình xúc tác quang với bột TiO ₂ thương mại	Oladele Honour Adedayo	TS.Trần Thị Việt Hà TS.Nguyễn Minh Phương	
		So sánh khả năng hấp phụ và phân hủy sinh học của vải sợi cacbon hoạt tính và cacbon hoạt tính dạng hạt	Hồ Thị Sen	TS.Trần Thị Việt Hà PGS.TS.Ikuro Kasuga	
		Phát triển mối quan hệ đô thị - nông thôn mới cho chu trình nitơ bền vững: Mô hình thí điểm tại thành phố Hải Phòng	Nguyễn Thu Hoài	GS.TS.Kensuke Fukushima PGS.TS.Trần Thị Việt Nga	
		Tăng cường xử lý phot pho trong nước thải tổng hợp bằng bãi lọc trồng cây dòng chảy ngang ngầm với quy mô phòng thí nghiệm dùng hỗn hợp xi than và đất feralit nung làm chất nền	Lê Thị Vân	TS.Nguyễn Thị An Hằng PGS.TS.Sato Keisuke	
		Ảnh hưởng của lỗ rỗng đến dao động và đáp ứng động lực học của tấm FGM phân lớp chịu tải trọng nổ	Đỗ Thị Thu Hà	TS.Trần Quốc Quân	

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
		Phân tích sự gia tăng độ cứng của đất nền được gia cố bằng cọc xi măng đất đỉnh rộng theo phương pháp giải tích và phương pháp số	Hoàng Duy Phương	TS.Nguyễn Tiến Dũng	
		Tác động của việc phát triển cơ sở hạ tầng đường bộ đến giá bất động sản tại thành phố Hà Nội	Lê Thiện Trung	GS.TS.Hironori TS.Phan Lê Bình	Kato
		Khảo sát sự ổn định của dầm làm bằng thép cường độ cao SBHS	Nguyễn Xuân Bách	TS.Đặng Việt Đức	
		So sánh hệ số kết ngang (Cr) giữa thí nghiệm trong phòng và thí nghiệm hiện trường	Trần Quỳnh Giao	TS.Nguyễn Tiến Dũng	
		Sử dụng tấm FRP tạo dự ứng lực trong công tác sửa chữa và nâng cấp khả năng làm việc của cầu bê tông dự ứng lực	Phạm Văn Giáo	TS.Đặng Việt Đức	
		Đáp ứng động phi tuyến và dao động của tấm sandwich với lớp giữa làm bằng lỗ rỗng và lớp mặt được gia cố bằng nano cacbon trong môi trường nhiệt độ	Ngô Đình Đạt	GS.TSKH.Nguyễn Đình Đức	
		Nghiên cứu chế tạo các hạt PMMA vi cầu định hướng sản xuất quy mô lớn	Hoàng Minh Kiên	TS.Nguyễn Trần TS.Phạm Tiến Thành	Thuật
		Nghiên cứu chế tạo hỗn hợp hạt nano bạc và sản phẩm tế bào gốc trung mô nhằm hàn gắn vết thương	Nguyễn Thị Thanh Hoài	GS.TSKH.Nguyễn Hoàng Lương PGS.TS.Hoàng Thị Mỹ Nhung	
		Ứng dụng vật liệu biometamaterials cho thiết bị phát hơi nước sử dụng năng lượng mặt trời	Vũ Tiến Dũng	TS.Phạm Tiến TS.Bùi Nguyễn Quốc Trình	Thành

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
		Chế tạo vật liệu chuyển hóa quang nhiệt từ vật liệu tự nhiên ứng dụng vào hệ bay hơi nước với hiệu suất cao	Nguyễn Minh Tuấn	PGS.TS.Mai Anh Tuấn TS.Phạm Tiến Thành	
		Nghiên cứu khả năng kết hợp tế bào gốc trung mô với màng nano sinh học điều trị vết thương trên da	Vũ Thị Nhung	PGS.TS.Nguyễn Hoàng Nam PGS.TS.Hoàng Thị Mỹ Nhung	
		Hấp phụ các khí độc trên Graphene/SiO ₂ và Graphene/h-BN	Phạm Bá Lịch	TS.Đình Văn An TS.Phùng Thị Việt Bắc	
		Tác động của tiền gửi đến xu hướng tiêu dùng của hộ gia đình ở Việt Nam	Võ Thị Huyền Nhi	TS. Vũ Hoàng Linh PGS.TS.Akashi Jun-ichi	
		Tác động của Khu vực Mậu dịch Tự do ASEAN (AFTA) đối với các dòng thương mại nội khối: Bằng chứng từ ngành công nghiệp ô tô	Lê Minh Phương	TS. Trần Lâm Ánh Dương PGS.TS.Nguyễn Thị Minh	
		Các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường áp dụng cho kinh doanh xăng dầu tại Việt Nam	Nguyễn Tạ Bình Dương	TS.Bùi Hải Thiêm GS.TS.Okamoto Naohisa	
		Tác động của biến đổi cơ cấu dân số đến tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam	Trần Ngọc Hải Linh	TS.Vũ Hoàng Linh PGS.TS.Moges Abu Girma	
		Các yếu tố quyết định việc chọn trường công hay trường tư của cha mẹ học sinh: Nghiên cứu trường hợp các trường trung học phổ thông ở Hà Nội	Lương Thị An	TS.Nguyễn Thùy Anh TS.Jun Kawaguchi	
		Phân tích sở thích người tiêu dùng đối với ô tô điện ở Việt Nam: Một số hàm ý chính sách	Hoàng Văn Trung	TS. Đặng Quang Vinh PGS.TS.Fukuzumi Masakazu	

G. Công khai thông tin đào tạo thạc sĩ theo đơn đặt hàng của nhà nước, địa phương và doanh nghiệp

STT	Tên đơn vị đặt hàng đào tạo thạc sĩ	Số lượng	Trình độ đào tạo thạc sĩ	Chuyên ngành đào tạo thạc sĩ	Kết quả đào tạo thạc sĩ
1	-	-	-	-	-
2	-	-	-	-	-

H. Công khai hội nghị, hội thảo khoa học do cơ sở giáo dục tổ chức

STT	Tên chủ đề hội nghị, hội thảo khoa học	Thời gian tổ chức	Địa điểm tổ chức	Số lượng đại biểu tham dự
1	The 4 th International Conference on “Geotechnics for Sustainable Development (GEOTEC HANOI 2019)	28-29/11/2019	The National Convention Center (NCC), Hanoi, Vietnam	
2	The international Conference on High-performance Computer for Scientific Research and Practical Application 2019	28/11/2019	Đại học Thủ Dầu Một, Bình Dương	
3	Green Technologies for Sustainable Water (GTSW) 2019	01 – 05/12/2019	Khách sạn Rex, 141 Nguyễn Huệ, Q1, TPHCM.	
4	VNU Vietnam-Japan University Scientific Conference for Students 2019	07/11/2019	Trường Đại học Việt Nhật	
5	Trọng tài Thương mại và Hòa giải Thương mại: Giải pháp giải quyết tranh chấp cho các doanh nghiệp Việt Nam và Nhật Bản/ Conference on Commercial Arbitration and Commercial Mediation: To Improve the dispute processing by Viet Nam and Japan	18/06/2020	VIAC- 9 Đào Duy Anh, Kim Liên, Đống Đa, HN	

6	Seminar on Legal Topics	07/09/2020	Trường Đại học Việt Nhật	
7	International Smart Food Chain Symposium 2020	05/11/2020	KEIO GIJUKU University, Japan, Trường Đại học Việt Nhật	

I. Công khai thông tin về các hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, sản xuất thử và tư vấn

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
1	Nghiên cứu cấu trúc vật liệu sử dụng trong thiết bị cảm biến khí dựa trên tiếp xúc giữa Graphene và vật liệu để SiO ₂ , SnO ₂ , GaAs, GaMnAs bằng mô phỏng lượng tử	TS. Phùng Thị Việt Bắc, TS. Vũ Ngọc Duy, TS. Đinh Văn An, TS. Trần Phan Thùy Linh, TS. Trần Thị Nhân, CN. Phạm Bá Lịch, CN. Nguyễn Hoàng Hưng	ĐH Khoa học Tự Nhiên, ĐH Công nghiệp Hà Nội, Đại học Sư phạm Hà Nội	T4/2020-2022	400 triệu đồng	Mô hình tối ưu cấu trúc graphene trên các vật liệu để khác nhau SiO ₂ , SnO ₂ , GaAs... và cơ chế hấp phụ bao gồm năng lượng, cấu hình hấp phụ cũng như sự chuyển dịch điện tích của từng chất khí NO, NO ₂ , CO và bề mặt graphene/vật liệu để

2	Nghiên cứu, đánh giá khả năng huy động phốt pho của nấm rễ cộng sinh cây đậu tương trong điều kiện khô hạn tại tỉnh Quảng Nam	TS. Đặng Thanh Tú, TS. Hoàng Thị Thu Duyên, TS. Đình Mai Vân, TS. Trần Thị Tuyết Thu, PGS.TS. Lưu Thế Anh	Đại học Lâm nghiệp, Đại học Khoa học Tự nhiên, Viện Tài nguyên và Môi trường, ĐHQGHN	T4/2020-2022	300 triệu đồng	Đề xuất giải pháp ứng dụng nấm rễ cộng sinh để tăng hàm lượng phốt pho dễ tiêu trong đất ở điều kiện khô hạn, Bộ cơ sở dữ liệu liên quan đến nấm rễ cộng sinh với cây đậu tương
---	---	---	--	--------------	----------------	---

K. Công khai thông tin kiểm định cơ sở giáo dục và chương trình giáo dục

STT	Tên cơ sở đào tạo thạc sĩ hoặc các chương trình đào tạo thạc sĩ	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/Công nhận	Nghị quyết của Hội đồng KĐCLGD	Công nhận đạt/không đạt chất lượng giáo dục	Giấy chứng nhận/Công nhận	
						Ngày cấp	Giá trị đến
1	-	-	-	-	-	-	-

Hà Nội, ngày 23 tháng 11 năm 2020

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
VIỆT NAM
Furuta Motoo

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của Nhà trường năm học 2019-2020

A. Công khai thông tin về diện tích đất, tổng diện tích sản xây dựng

STT	Nội dung	Diện tích (m ²)	Hình thức sử dụng		
			Sở hữu	Liên kết	Thuê
1	Tổng diện tích đất cơ sở đào tạo thực sĩ quản lý sử dụng				
a	Trong đó:				
	- Trụ sở chính Đường Lưu Hữu Phước, Phường Cầu Diễn, Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội	2,868.5			x
b	- Cơ sở tại Hòa Lạc: Thạch Hòa, Thạch Thất, Hà Nội (đang xây dựng)	750,000	x		

B. Công khai thông tin về các phòng thí nghiệm, phòng thực hành, xưởng thực hành, nhà tập đa năng, hội trường, phòng học, thư viện, trung tâm học liệu

STT	Tên	Số lượng	Mục đích sử dụng	Đối tượng sử dụng	Diện tích sản xây dựng (m ²)	Hình thức sử dụng		
						Sở hữu	Liên kết	Thuê
1	Phòng thí nghiệm	3	Học tập, nghiên cứu	Học viên và giảng viên	341			x

STT	Tên	Số lượng	Mục đích sử dụng	Đối tượng sử dụng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)	Hình thức sử dụng		
						Sở hữu	Liên kết	Thuê
2	Phòng thực hành		Học tập, nghiên cứu, thực hành	Học viên và giảng viên	411.5			x
3	Xưởng thực tập		Học tập, thực hành	Học viên và giảng viên	411.5			x
4	Nhà tập đa năng			-				
5	Hội trường	1	Hội thảo, hội nghị	Học viên và giảng viên	650			x
6	Phòng học lớn hơn 50 chỗ đến 200 chỗ	1	Học tập	Học viên và giảng viên	631			x
7	Phòng học đa phương tiện	14	Học tập	Học viên và giảng viên	270			x
8	Thư viện	1	Học tập, nghiên cứu	Học viên và giảng viên	7114		x	
9	Trung tâm học liệu	1	Học tập, nghiên cứu	Học viên và giảng viên	7114		x	
10	Các phòng chức năng khác	7	Làm việc	Cán bộ, nhân viên	164			x

C. Công khai thông tin về học liệu (sách, tạp chí, e-book, cơ sở dữ liệu điện tử) của thư viện và trung tâm học liệu

STT	Tên	Số lượng
1	Số phòng đọc	05
2	Số chỗ ngồi đọc	1360
3	Số máy tính của thư viện	270
4	Số lượng đầu sách, tạp chí, e-book, cơ sở dữ liệu trong thư viện (đầu sách, tạp chí)	- Sách: 130.000 tên với 500.000 bản; - Kết quả nghiên cứu: 2000 đề tài; - Luận văn luận án: 25.000 tên; - Tài liệu số: 50.000 tên với gần 3 triệu trang; - Cơ sở dữ liệu: Science Direct, Nature, SpringerLink, Emerald, ACM, IG Publishing
5	Số thư viện điện tử liên kết ngoài trường	

D. Diện tích đất/sinh viên; diện tích sàn/sinh viên

STT	Tên	Tỷ lệ
1	Diện tích đất/sinh viên	4,687.5 m ² /SV
2	Diện tích sàn/sinh viên	17.9 m ² /SV

Hà Nội, ngày 23 tháng 12 năm 2020



THÔNG BÁO

**Công khai thông tin về đội ngũ giảng viên cơ hữu của Nhà trường
năm học 2019-2020**

A. Công khai thông tin về đội ngũ giảng viên cơ hữu

STT	Nội dung	Tổng Số	Chức danh		Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp		
			Giáo sư	Phó Giáo sư	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học	Cao đẳng	Trình độ khác	Hạng III	Hạng II	Hạng I
I	Tổng số	36	4	4	35	1						
1	Giảng viên cơ hữu theo ngành – Khối ngành III	2			2							
	Khối ngành III	4	1	1	4							
2	Giảng viên cơ hữu- liên ngành	30	3	3	29	1						

B. Công khai thông tin về danh sách chi tiết đội ngũ giảng viên cơ hữu theo khối ngành

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành giảng dạy
	Khối ngành III					
	Chương trình thạc sĩ Quản trị kinh doanh					
1	Yoshifumi Hino	1988	Nam		TS	Quản Trị Kinh Doanh
2	Trần Thị Bích Hạnh	1984	Nữ		TS	Quản Trị Kinh Doanh
	Liên Ngành					
I	Chương trình thạc sĩ Chính sách công					
1	Vũ Hoàng Linh	1976	Nam		TS	Chính sách công
3	Đặng Quang Vinh	1976	Nam		TS	Chính sách công
2	Naohisa Okamoto	1966	Nam	GS	TS	Chính sách công
II	Chương trình thạc sĩ Biến đổi khí hậu và phát triển					
1	Akihico Kotera	1972	Nam		TS	Biến đổi Khí hậu Và Phát Triển

2	Hoàng Thị Thu Duyên	1984	Nam		TS	Biến đổi Khí hậu Và Phát Triển
3	Nguyễn Văn Quang	1980	Nam		TS	Biến đổi Khí hậu Và Phát Triển
4	Nguyễn Thị Thúy Hằng	1981	Nữ		TS	Biến đổi Khí hậu Và Phát Triển
III	Chương trình thạc sĩ Kỹ thuật Hạ tầng					
1	Phan Lê Bình	1973	Nam		TS	Kỹ thuật Hạ tầng
2	Nguyễn Tiến Dũng	1978	Nam		TS	Kỹ thuật Hạ tầng
IV	Chương trình thạc sĩ Công nghệ Nano					
1	Đinh Văn An	1963	Nam		TS	Công nghệ Nano
2	Phạm Tiến Thành	1984	Nam		TS	Công nghệ Nano
3	Bùi Nguyên Quốc Trình	1980	Nam		TS	Công nghệ Nano
4	Nguyễn Hoàng Oanh	1979	Nam		TS	Công nghệ Nano
V	Chương trình thạc sĩ Khu vực học					
1	Furuta Motoo	1949	Nam	GS		
1	Ito Mariko	1975	Nữ		TS	Khu vực học
2	Ueda Shinya	1977	Nam		TS	Khu vực học
3	Lư Thị Thanh Lê	1986	Nữ		TS	Khu vực học
3	Phạm Thị Thu Giang	1978	Nữ	PGS	TS	Khu vực học
VI	Chương trình thạc sĩ Kỹ thuật Môi trường					
1	Nguyễn Thị An Hằng	1975	Nữ		TS	Kỹ Thuật Môi Trường
2	Ikuro Kasuga	1977	Nam	PGS	TS	Kỹ Thuật Môi Trường
3	Trần Thị Việt Hà	1991	Nữ		TS	Kỹ Thuật Môi Trường
4	Jun Nakajima	1951	Nam	GS	TS	Kỹ Thuật Môi Trường
5	Keisuke Sato	1975	Nam	PGS	TS	Kỹ Thuật Môi Trường
VII	Chương trình thạc sĩ Lãnh đạo Toàn cầu					
1	Jung Hyun Jasmine Ryu	1982			TS	Lãnh đạo toàn cầu
2	Trần Lương Thành	1989			TS	Lãnh đạo toàn cầu
Giảng viên tiếng Nhật (giảng dạy cho tất cả các chương trình trên)						
1	Shinobu Aibara		Nữ		TS	Đào tạo Tiếng Nhật

2	Chiharu Matsunami	1980	Nữ		TS	Đào tạo Tiếng Nhật
3	Phạm Thị Hồng	1990	Nữ		Ths	Đào tạo Tiếng Nhật
4	Dương Thị Thúy	1990	Nữ		TS	Đào tạo Tiếng Nhật
5	Lê Cẩm Nhung	1984	Nữ		TS	Đào tạo Tiếng Nhật

C. Công khai tỷ lệ sinh viên/giảng viên quy đổi

II	Khối ngành	Tỷ lệ Sinh viên/Giảng viên cơ hữu quy đổi
1	Khối ngành III	7.2
2	Liên Ngành	1.75

Ghi chú: Số liệu trên chưa bao gồm giảng viên phái cử của các Trường đại học đối tác tại Nhật tham gia giảng dạy mà được phép tính là giảng viên cơ hữu khi xây dựng đề án mở ngành.

Hà Nội, ngày 23. tháng 12 năm 2020
HIỆU TRƯỞNG 

Furuta Motoo

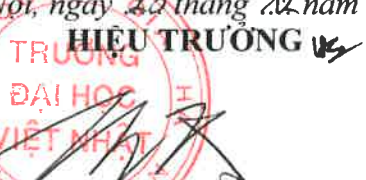
ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VIỆT NHẬT

THÔNG BÁO
Công khai tài chính của Nhà trường năm học 2019-2020

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Học phí/1SV/năm năm học 2019-2020	Dự kiến Học phí/1SV của cả khóa học
I	Học phí chính quy chương trình đại trà			
1	Tiến sĩ	Triệu đồng/năm		
	Khối ngành...	Triệu đồng/năm		
2	Thạc sĩ			
	Ngành Kỹ Thuật hạ tầng	Triệu đồng/năm	37,5	75
	Ngành Kỹ Thuật môi trường	Triệu đồng/năm	37,5	75
	Ngành Công nghệ Nano	Triệu đồng/năm	37,5	75
	Ngành Khu vực học	Triệu đồng/năm	37,5	75
	Ngành Chính sách công	Triệu đồng/năm	37,5	75
	Ngành Quản trị kinh doanh	Triệu đồng/năm	37,5	75
	Ngành Biến đổi khí hậu	Triệu đồng/năm	37,5	75
	Ngành Lãnh đạo toàn cầu	Triệu đồng/năm	37,5	75
3	Đại học			
	Ngành Nhật Bản Học	Triệu đồng/năm		
4	Cao đẳng sư phạm	Triệu đồng/năm		
5	Trung cấp sư phạm	Triệu đồng/năm		
II	Học phí chính quy chương trình khác			
1	Tiến sĩ	Triệu đồng/năm		
	Khối ngành...	Triệu đồng/năm		
2	Thạc sĩ	Triệu đồng/năm		
	Khối ngành...	Triệu đồng/năm		
3	Đại học	Triệu đồng/năm		
	Khối ngành...	Triệu đồng/năm		
4	Cao đẳng sư phạm	Triệu đồng/năm		

5	Trung cấp sư phạm	Triệu đồng/năm		
III	Học phí hình thức vừa học vừa làm			
1	Đại học	Triệu đồng/năm		
	Khối ngành...	Triệu đồng/năm		
2	Cao đẳng sư phạm	Triệu đồng/năm		
3	Trung cấp sư phạm	Triệu đồng/năm		
IV	Tổng thu năm	Tỷ đồng		
1	Từ ngân sách	Tỷ đồng	8,5	
2	Từ học phí	Tỷ đồng	5,8	
3	Từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ	Tỷ đồng	0,678	
4	Từ nguồn hợp pháp khác	Tỷ đồng	0,331	
5	Tài trợ học bổng, hỗ trợ học tập, nghiên cứu từ các tổ chức, cá nhân Nhật Bản (bao gồm cả hiện vật thiết bị)	Tỷ đồng	1,9	

Ghi chú: Chưa bao gồm hỗ trợ tài chính của Chính phủ Nhật bản thông qua Dự án Hỗ trợ kỹ thuật đào tạo các Chương trình thạc sĩ tại Trường Đại học Việt Nhật (Trường Đại học đối tác, phái cử giảng viên, chuyên gia, thực tập tại Nhật, hỗ trợ giảng dạy, nghiên cứu và hỗ trợ tại địa phương).

Hà Nội, ngày 23 tháng 12 năm 2020
HIỆU TRƯỞNG 

Furuta Motoo